

Bản án số: 03/2026/KDTM-PT

Ngày: 14.01.2026

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng,
yêu cầu bồi thường thiệt hại và
yêu cầu trả tiền dịch vụ thuê kho”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Phương Thanh

Các thẩm phán:

Bà Lê Thị Minh Trang

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Thông – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: bà Nguyễn Ngọc Chúc - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử công khai vụ án thụ lý số 07/2025/TLPT-KDTM ngày 16 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng, yêu cầu bồi thường thiệt hại và yêu cầu trả tiền dịch vụ thuê kho”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2025/KDTM-ST ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 495/2025/QĐ-PT ngày 28 tháng 7 năm 2025; Thông báo mở lại phiên tòa số 245/TB-TA ngày 04/12/2025 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2026/QĐ-PT ngày 08/01/2026. Giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ.

Địa chỉ: Số B N, phường C, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Tuấn H – Giám đốc khách hàng Doanh nghiệp; ông Nguyễn Văn T và ông Nguyễn Thành T1. Địa chỉ: Lầu F, số A T,

phường N, thành phố Cần Thơ - Giấy ủy quyền ngày 07/01/2026. Chỉ ông T1 có mặt.

-Bị đơn: Công ty Cổ phần C.

Địa chỉ: Lô A, Đường số C, Khu công nghiệp L, ấp X, xã P, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo pháp luật: Bà Âu Ngọc V – Chủ tịch Hội đồng quản trị - kiêm Tổng Giám đốc Công ty (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty C: Ông Trần Chi L, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp A, xã N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Âu Ngọc V**, sinh năm 1968 (có mặt).

2. Ông **Tạ Hoàng N**, sinh năm 1960 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp X, xã P, tỉnh Cà Mau.

3. **Công ty Cổ phần C** (nay Công ty Cổ phần C1).

Địa chỉ: Số I, ấp X, xã P, tỉnh Cà Mau.

Đại diện theo pháp luật: Bà Âu Ngọc V – Chủ tịch Hội đồng quản trị - kiêm Tổng Giám đốc Công ty (có mặt).

4. Công ty TNHH L3.

Địa chỉ: Lô A, Đường số C, Khu công nghiệp L, xã C, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện hợp pháp: Bà Phan Đăng Phong N1, sinh năm 1997. Địa chỉ: Số F, đường C, phường T, thành phố Cần Thơ - Giấy ủy quyền số 01/2004/GUQ ngày 16/7/2024 (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty L4: Luật sư Nguyễn Thị Mỹ H1 - Văn phòng L5 – thuộc Đoàn Luật sư thành phố C (có mặt).

5. Phòng Thi hành án dân sự khu vực 7, tỉnh Tây Ninh.

Địa chỉ: Số A, Quốc lộ E, Khu phố B, xã C, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

- Người kháng cáo:

1. Công ty Cổ phần C là bị đơn.

2. Bà Âu Ngọc V là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

3. Công ty Cổ phần C (nay là công ty Cổ phần C1) là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

4. Công ty L3 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ (sau đây gọi tắt Ngân hàng) trình bày nội

dung và yêu cầu khởi kiện như sau: Công ty Cổ phần C (gọi tắt Công ty C) và Ngân hàng ký Hợp đồng hạn mức tín dụng số 17/2019/HĐHM/PVB-CNTCO ngày 06/9/2019 và các Hợp đồng, Phụ lục hợp đồng liên quan đến việc cấp tín dụng cho Công ty C. Tổng hạn mức tối đa là 145.000.000.000 đồng. Hạn mức cho vay ngắn hạn 100 tỷ đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương; Hạn mức cho vay L/C xuất khẩu 45 tỷ đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương; Hạn mức chiết khấu bộ chứng từ 45 tỷ đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương. Thời hạn hạn mức 12 tháng; thời hạn cho vay cụ thể tối đa 04 tháng/KUNN; đã giải ngân 4.395.630 USD và 18.325.000.000 đồng. Lãi suất: ¹ Đối với nguyên tệ USD là 5,0%/năm; ² Đối với nguyên tệ VND là 9,75%/năm.

Quá trình vay, Công ty C đã vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ cho Ngân hàng như đã cam kết, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng Công ty C vẫn cố tình né tránh không trả nợ. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

1. Buộc Công ty C phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 15/11/2021 như sau: Nguyên tệ USD là 4.818.019,81 USD = 109.609.950.677 đồng (Gốc: 4.235.705,63 USD, lãi: 582.314,18 USD); Nguyên tệ VND là 7.629.996.717 đồng (Gốc: 4.511.026.057 đồng, lãi: 3.118.970.660 đồng). Tổng cộng 117.239.947.394 đồng.

2. Buộc Công ty C phải thanh toán lãi phát sinh theo Hợp đồng hạn mức tín dụng và các Hợp đồng cho vay kèm Khế ước nhận nợ được ký giữa các bên cho đến khi Công ty C trả hết nợ cho Ngân hàng;

3. Kể từ ngày Bản án có hiệu lực, nếu Công ty C không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp hoặc các biện pháp hợp pháp khác để xử lý tài sản đang được Công ty C thế chấp tại Ngân hàng để thu hồi nợ, cụ thể:

3.1. Cổ phần của bà Âu Ngọc V, ông Tạ Hoàng N tại Công ty C trị giá 100 tỷ đồng (theo Hợp đồng thế chấp cổ phần số 08/2018/HĐBĐ/VPB-CNTO ngày 31/5/2018 do bà Âu Ngọc V, ông Tạ Hoàng N ký với Ngân hàng; Hợp đồng sửa đổi Hợp đồng thế chấp cổ phần số 01-08/HĐBĐ/VPB-CNTO ngày 06/9/2019);

3.2. Hàng hóa tôm đông lạnh (theo Hợp đồng thế chấp tài sản là hàng hóa số 10C/2018/HĐBĐ/VPB-CNTO ngày 10/7/2018, giữa Công ty C và Ngân hàng; Hợp đồng thuê kho và trông giữ hàng hóa thế chấp số 11/2018/HĐBĐ/VPB-CNTO ngày 09/7/2018, giữa Công ty L3, Công ty C và Ngân hàng; Phụ lục sửa đổi Hợp đồng thuê kho và trông giữ hàng hóa thế chấp số PL01-11/2018/VPB-CNTO ngày

08/7/2018; Hợp đồng dịch vụ kho lạnh số 46/AUV-LLC/18, ngày 09/5/2018, giữa Công ty C và Ngân hàng);

3.3. Đối với 12 bất động sản:

3.3.1. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 10A/2018/HĐBĐ/VPB-CNTD ngày 27/6/2018, giữa bà Âu Ngọc V, ông Tạ Hoàng N và Ngân hàng, gồm 03 tài sản:

¹ Quyền sử dụng đất thửa 227, tờ bản đồ số 30, diện tích 1.061,7 m² (đất ODT), tọa lạc ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CN491466, sổ vào sổ cấp GCN: CS03734, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 04/6/2018 cho bà Âu Ngọc V); và tài sản gắn liền với đất là nhà ở biệt thự, diện tích xây dựng 599 m², sàn xây dựng 1.878,6 m²;

² Quyền sử dụng đất thửa 209, tờ bản đồ số 30, diện tích 328 m² (đất CLN), tọa lạc ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD905434, sổ vào sổ cấp GCN: CH01349, do UBND thị xã G, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 09/11/2016 cho bà Âu Ngọc V);

³ Quyền sử dụng đất thửa 210, tờ bản đồ số 30, diện tích 954,7 m² (đất NTTS), tọa lạc ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD905436, sổ vào sổ cấp GCN: CH01351, do UBND thị xã G, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 09/11/2016 cho bà Âu Ngọc V);

3.3.2. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 16A/2019/HĐBĐ/VPB-CNTD ngày 12/8/2019, giữa bà Âu Ngọc V, ông Tạ Hoàng N và Ngân hàng, gồm 03 tài sản:

⁴ Quyền sử dụng đất tại thửa 313, tờ bản đồ số 19, diện tích 740,7 m² (đất CLN), tọa lạc Khóm I, Phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM574905, sổ vào sổ cấp GCN: CS00096, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh C cấp ngày 09/02/2018 cho bà Âu Ngọc V);

⁵ Quyền sử dụng đất tại thửa 27, tờ bản đồ số 61, diện tích 300 m² (đất TC: 265 m², đất vườn: 35 m²), tọa lạc Phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

số AC916719, số vào sổ cấp GCN: H02868, do UBND thành phố C cấp ngày 12/8/2005 cho bà Âu Ngọc V);

⁶ Quyền sử dụng đất tại thửa 27, tờ bản đồ số 33, diện tích 117 m² (đất TC), tọa lạc Phường I, thành phố C, tỉnh Cà Mau (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AC840454, số vào sổ cấp GCN: H03455, do UBND thành phố C cấp ngày 30/9/2005, cập nhật ngày 28/8/2018, cho bà Âu Ngọc V);

3.3.3. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 16B/2019/HĐBĐ/VPB-CNTQ ngày 09/8/2019, giữa bà Âu Ngọc V, ông Tạ Hoàng N và Ngân hàng, gồm 02 tài sản:

⁷ Quyền sử dụng đất tại thửa 0816, tờ bản đồ số 01, diện tích 378,4 m² (đất thổ cư: 300 m², đất vườn: 78,4 m²), tọa lạc xã T, huyện/thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M155020, số vào sổ cấp GCN:27901.QSĐĐ, do UBND huyện G, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 21/3/1998 cho ông Tạ Hoàng N đứng tên);

⁸ Quyền sử dụng đất tại thửa 9038, tờ bản đồ số 01, diện tích 118 m² (đất vườn tạp), tọa lạc xã T, huyện/thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U872177, số vào sổ cấp GCN:28133.QSĐĐ, do UBND huyện G, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 10/4/2002 cho ông Tạ Hoàng N đứng tên);

3.3.4. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 16C/2019/HĐBĐ/VPB-CNTQ ngày 12/8/2019, giữa bà Âu Ngọc V, ông Tạ Hoàng N và Ngân hàng, gồm 01 tài sản:

⁹ Quyền sử dụng đất tại thửa 194, tờ bản đồ số 47, diện tích 547,8 m² (đất ODT), tọa lạc thị trấn G, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CQ715917, số vào sổ cấp GCN:CS03051, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 25/02/2019 cho bà Âu Ngọc V đứng tên); và tài sản trên đất là nhà ở riêng lẻ (Nhà Y), diện tích xây dựng 126 m², sàn xây dựng 504 m², cấp/hạn: Cấp 3;

3.3.5. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 17A/2019/HĐBĐ/VPB-CNTQ ngày 06/9/2019, giữa bà Âu Ngọc V, ông Tạ Hoàng N và Ngân hàng, gồm 01 tài sản:

¹⁰ Quyền sử dụng đất tại thửa 663, tờ bản đồ số 5, diện tích 2.852,2 m² (đất NTTS), tọa lạc ấp X, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CĐ905438, số vào

sổ cấp GCN: CH01353, do UBND thị xã G, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 09/11/2016 cho bà Âu Ngọc V đứng tên);

3.3.6. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 17B/2019/HĐBĐ/VPB-CNT0 ngày 28/10/2019, giữa bà Âu Ngọc V, ông Tạ Hoàng N và Ngân hàng, gồm 01 tài sản:

¹¹ Quyền sử dụng đất tại thửa 33, tờ bản đồ số 81, diện tích 817,5 m² (đất ODT: 300 m², CLN: 517,5 m²), tọa lạc ấp T, xã T, thị xã G, tỉnh Bạc Liêu (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT189788, số vào sổ cấp GCN: CS06068, do UBND thị xã G, tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 08/10/2019 cho bà Âu Ngọc V đứng tên);

3.3.7. Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 17C/2019/HĐBĐ/VPB-CNT0 ngày 28/10/2019, giữa bà Âu Ngọc V, ông Tạ Hoàng N và Ngân hàng, gồm 01 tài sản:

¹² Quyền sử dụng đất tại thửa 048, tờ bản đồ số 32, diện tích 120 m² (đất ở), tọa lạc Phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X714377, số vào sổ cấp GCN: 940 QSDĐ/TPCM, do UBND thành phố C cấp ngày 09/10/2003 cho bà Âu Ngọc V, ông Tạ Hoàng N đứng tên);

3.4. Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai: Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 17.3/2019/HĐBĐ/VPB-CNT0 ngày 04/12/2019, ký giữa Công ty C với Ngân hàng, trị giá 589.952 USD; Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 17.4/2019/HĐBĐ/VPB-CNT0 ngày 04/12/2019, ký giữa Công ty C với Ngân hàng, trị giá 233.837,28 USD; Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 17.6/2019/HĐBĐ/VPB-CNT0 ngày 25/12/2019, ký giữa Công ty C với Ngân hàng, trị giá 73.000 USD.

Đặc biệt đối với tài sản thế chấp là mặt hàng tôm (các loại) đông lạnh xuất khẩu với khối lượng là 238.369,26 kg (27.666 thùng), hiện đang gửi, giữ tại kho đông lạnh của Công ty TNHH L3 thì Ngân hàng có đề nghị xử lý sớm tài sản này (như đưa ra bán đấu giá hoặc bên Công ty C tìm đối tác bán với giá hợp lý được thống nhất giữa các bên) để thu hồi nợ cho Ngân hàng, theo Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 13/2021/QĐ-BPKCTT ngày 17/12/2021 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều (cũ), thành phố Cần Thơ.

4. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ của Công ty C tại P, thì Công ty C vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho P.

* Trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng, bị đơn Công ty C có ý kiến và phản tố như sau: Ngày 06/6/2019, Công ty và Ngân hàng ký Hợp đồng hạn mức tín dụng số 17/2019/HĐHM/PVB-CNTCO, theo đó, Ngân hàng đồng ý cấp cho Công ty C hạn mức vay không quá 145.000.000.000 đồng với thời hạn 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Để đảm bảo khoản vay, Công ty C phải cầm cố Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn; thế chấp toàn bộ hàng hóa là tôm đông lạnh tại kho hàng của Công ty TNHH L3, theo Hợp đồng thế chấp tài sản là hàng hóa số 10C/2018/HĐBĐ/VPB-CNTO ngày 10/7/2018, ký giữa Công ty C và Ngân hàng và các Phụ lục kèm theo, đồng thời, thế chấp 12 bất động sản là quyền sử dụng đất, thế chấp quyền đòi nợ (hoặc nguồn thu từ Bộ chứng từ xuất khẩu theo hình thức L1 (thư tín dụng và nhờ thu); các nguồn thu và tài sản hợp pháp khác.

Do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, từ đầu năm 2020 làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sản xuất kinh doanh, Công ty C chưa thực hiện được nghĩa vụ thanh toán đối với khoản vay tại Ngân hàng. Trước hoàn cảnh dịch bệnh, Công ty C nhiều lần gửi các công văn đề nghị miễn giảm lãi suất, cơ cấu lại thời hạn trả nợ, giữ nguyên nhóm nợ (theo tinh thần Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ban hành trong thời điểm dịch bệnh Covid 19) và đề xuất phương án thỏa thuận rút hàng tồn kho đang lưu trữ tại Công ty L4 để xuất khẩu và bán nội địa theo phương thức: dùng 20-30% tiền tạm ứng để giải chấp hàng tồn kho, 70-80% còn lại sẽ thanh toán khoản nợ gốc. Toàn bộ tiền các hợp đồng xuất khẩu và bán nội địa đều được chuyển về tài khoản của Công ty C mở tại Ngân hàng để đảm bảo, nhưng Ngân hàng vẫn không chấp nhận đề nghị nêu trên, không cho Công ty C giải chấp hàng hóa tồn kho để xử lý nhằm giảm thiểu thiệt hại trong khi đó, Ngân hàng hoàn toàn biết và buộc phải biết rằng hàng hóa thế chấp là tôm đông lạnh có thời hạn sử dụng bị hạn chế nhưng vẫn không chấp nhận cho Công ty C triển khai các biện pháp cần thiết để giảm thiệt hại và tạo nguồn thanh toán dư nợ.

Ngân hàng có dấu hiệu vi phạm tại Điều 8 của Hợp đồng thế chấp tài sản là hàng hóa số 10C/2018/HĐBĐ/VPB-CNTO ngày 10/7/2018, Điều 360, 362, 364 Bộ luật Dân sự năm 2015, dẫn đến hậu quả Công ty C không thể giao kết hợp đồng với các đối tác, không thanh toán được khoản nợ, chi phí tiền lưu kho

Đặc biệt số hàng hóa lưu kho bị hư hại, giảm giá trị sử dụng. Tổng số tiền thiệt hại tạm tính là 79.391.188.092 đồng, bao gồm tôm đông lạnh bị hư hỏng và tiền phí lưu kho quá hạn tính từ ngày 27/5/2020 đến thời điểm hiện tại. Ngân hàng đã cản trở, không phối hợp với khách hàng về việc bán tài sản thế chấp đã gây ra

hậu quả hàng hóa bị hư hỏng, giảm giá trị, giá trị sử dụng, khiến doanh nghiệp không có nguồn tài chính để thanh khoản, trả lãi suất. Chính vì vậy, Công ty không chấp nhận thanh toán lãi phát sinh trên dư nợ gốc, mà đáng lẽ nếu xử lý được tài sản bảo đảm thu hồi nợ thì không phát sinh khoản lãi này, tạm xác định từ tháng 02/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ, tính trên số dư nợ tương đương giá trị hàng hóa luân chuyển thế chấp.

Ngày 27/10/2021, Ngân hàng gửi Công văn số 1135/PVB-QL&TCTTS-TNB với nội dung yêu cầu Công ty C tự nguyện bàn giao tài sản bảo đảm. Đồng thời, xác định dư nợ gốc đến hết ngày 30/9/2021 là 4.511.026.057 VND và 4.235.705,63 USD. Trong khi đó lãi suất tạm tính đến hết ngày 30/9/2021 lần lượt là 3.033.328.148 VND và 541.899,80 USD. Công ty C không đồng ý với mức lãi suất nêu trên, bởi nếu Ngân hàng thiện chí miễn giảm lãi cho Công ty C theo Thông tư số 01/2020/TT-NHNN và phối hợp xử lý được tài sản bảo đảm thì khoản lãi này không phát sinh. Nay yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

1. Buộc Ngân hàng bồi thường toàn bộ thiệt hại thực tế xảy ra cho Công ty C số tiền tạm tính là 73.416.511.417 đồng, tương đương với giá trị số tồn đông lạnh của Công ty C lưu tại kho hàng Công ty L4, theo Hợp đồng thế chấp tài sản là hàng hóa số 10C/2018/HĐBĐ/VPB-CNT0 ngày 10/7/2018 bị hư hỏng, giảm sút giá trị và không còn giá trị sử dụng;

2. Buộc Ngân hàng thực hiện các nghĩa vụ bồi thường thiệt hại đối với toàn bộ chi phí lưu kho kể từ ngày Công ty C đề nghị phối hợp xử lý hàng hóa hạn chế thiệt hại xảy ra là ngày 27/5/2020 đến khi hàng hóa thế chấp được xử lý xong toàn bộ, dự kiến là ngày 31/12/2021. Tổng số tiền yêu cầu bồi thường tạm tính là 2.974.676.675 đồng;

3. Buộc Ngân hàng chấm dứt Hợp đồng hạn mức tín dụng số 17/2019/HĐHM/PVB-CNTCO ngày 06/9/2019 và các Hợp đồng bảo đảm tiền vay liên quan và không được tính lãi phát sinh trên dư nợ gốc tương đương giá trị hàng hóa thế chấp là 80.000.000.000 đồng kể từ tháng 02/2020 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ. Đề nghị Tòa án bù trừ nghĩa vụ nợ theo Hợp đồng tín dụng và các khoản bồi thường thiệt hại nêu trên giữa Ngân hàng và Công ty C; buộc Ngân hàng giải chấp các tài sản khác bảo đảm tiền vay khi Công ty C thực hiện xong các nghĩa vụ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH L3 (Công ty L4) trình bày và có yêu cầu như sau: Ngày 09/5/2018, Công ty L4 và Công ty C có ký

Hợp đồng thuê kho lạnh số 46/AUV-LLC/18 ngày 09/5/2018 (đã hết hạn hợp đồng) và được hai bên tiếp tục gia hạn thời hạn hợp đồng bằng Hợp đồng thuê kho lạnh số 39/AUV-LLC/19 ngày 09/5/2019. Theo thỏa thuận, Công ty L4 cho Công ty C thuê kho lạnh để gửi hàng hóa bao gồm: 27,666 thùng, tương đương 237,854.46 Kg tôm đông lạnh các loại thuộc quyền sở hữu của Công ty C (Chi tiết hàng hóa được ghi trong báo cáo tồn kho “Stock Movement Report” đính kèm hợp đồng). Bên cạnh đó, ngày 09/7/2018, Công ty C thể chấp toàn bộ hàng hóa gửi tại kho của Công ty L4 để đảm bảo cho khoản vay của Công ty C tại Ngân hàng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng được giao kết bởi các bên, Công ty L4 đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình, thể hiện bằng việc hàng hóa của Công ty C vẫn được gửi, trông giữ và bảo quản đúng tiêu chuẩn tại kho Công ty L4. Đồng thời Công ty L4 đã xuất và giao cho Công ty C đầy đủ các Hóa đơn giá trị gia tăng cho dịch vụ thuê kho lạnh. Tuy nhiên, từ tháng 01/2021, Công ty C đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng. Do đó, theo yêu cầu của Ngân hàng, Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc (cũ), tỉnh Long An tiến hành kê biên và bán đấu giá hàng hóa được gửi, trông giữ và bảo quản tại kho của Công ty L4 để trả nợ cho Ngân hàng theo quy định pháp luật. Cụ thể theo Quyết định về việc kê biên, xử lý tài sản số 08/QĐ-CCTHADS ngày 05/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cần Giuộc (cũ), tỉnh Long An. Theo quy định tại Điều 5.2 của Hợp đồng thuê và trông giữ hàng hóa thể chấp số 11/2018/HDDV/PVB-CHCTO ngày 09/7/2018 các bên thỏa thuận như sau:

Điều 5.2 quy định nghĩa vụ của bên C (Ngân hàng):

“Thanh toán toàn bộ phí dịch vụ kho cho Công ty L4 trong trường hợp Công ty C không thanh toán đúng hạn

Trường hợp, Công ty C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ và Ngân hàng có nghĩa vụ phải thanh toán toàn bộ phí dịch vụ, lưu kho, bốc xếp,..theo Hợp đồng thuê kho lạnh số 46/AUV-LLC/18 ngày 09/5/2018 được ký kết giữa bên Công ty L4 và Công ty C mà Công ty C còn thiếu nợ bên Công ty L4 trước khi nhận hàng”.

Như vậy, Ngân hàng có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ (100%) phí dịch vụ, lưu kho, bốc xếp mà Công ty C còn nợ Công ty L4 trong trường hợp Công ty C không thanh toán đúng hạn và/hoặc trước khi Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp. Tuy nhiên, từ khi hàng hóa được tiến hành kê biên bán đấu giá đến nay, Ngân hàng vẫn chưa thanh toán đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Công ty L4 như thỏa thuận. Trên tinh thần

hợp tác, Công ty L4 đã cho Ngân hàng thêm rất nhiều thời gian để thanh toán. Nhưng Ngân hàng vẫn không thanh toán đầy đủ và cố tình trì hoãn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán dẫn đến tình trạng Công ty L4 gặp nhiều khó khăn trong việc thu xếp tài chính để duy trì hoạt động kinh doanh ổn định. Nay Công ty L4 yêu cầu giải quyết cụ thể như sau:

1. Buộc Ngân hàng thanh toán cho Công ty L4 phí thuê kho từ ngày 26/12/2020 đến ngày 25/3/2022 và từ ngày 26/12/2022 đến ngày 25/6/2024 với số tiền là 5.074.294.853 đồng và lãi suất chậm thanh toán phí thuê kho từ ngày 26/12/2020 đến ngày 25/3/2022 và từ ngày 26/12/2022 đến ngày 25/6/2024 là 1.725.465.262 đồng;

2. Buộc Ngân hàng thanh toán cho Công ty L4 phí thuê kho và các khoản chi phí phát sinh từ ngày 26/6/2024 đến ngày Ngân hàng xử lý xong tài sản thế chấp, xuất toàn bộ hàng hóa ra khỏi kho Công ty L4 và lãi suất chậm thanh toán đến khi trả xong tiền cho Công ty L4 với lãi suất 1.5%/tháng.

* Vụ việc hòa giải không thành nên được đưa ra xét xử sơ thẩm công khai. Tại Bản án sơ thẩm số 06/2025/KDTM-ST ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ) xét xử và quyết định như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần Đ.

1.1. Buộc Công ty Cổ phần C phải thanh toán cho Ngân hàng số nợ tạm tính đến ngày 04/3/2025 là 155.321.814.359 đồng. Trong đó: Nguyên tệ USD là 5.876.701,26 USD = 145.448.356.185 đồng (Gốc: 4.235.705,63 USD, lãi: 1.640.995,63 USD); Nguyên tệ VND là 9.873.458.174 đồng (Gốc: 4.511.026.057 đồng, lãi: 5.362.432.117 đồng) và chịu lãi suất phát sinh tính từ ngày 05/3/2025 cho đến khi tất nợ.

1.2. Nếu Công ty C không thanh toán hoặc thanh toán nợ không đầy đủ, thì phát mãi các tài sản thế chấp đã ký và các tài sản bảo đảm khác để xử lý thu hồi nợ cho Ngân hàng.

1.3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 13/2021/QĐ-BPKCTT ngày 17/12/2021 để đảm bảo thi hành án.

1.4. Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ của Công ty C, thì Công ty vẫn phải có nghĩa vụ tiếp tục trả hết khoản nợ cho Ngân hàng.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của Công ty Cổ phần C.

3. Chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH L3. Ngân hàng thương mại cổ phần Đ thanh toán cho Công ty TNHH L3 phí thuê kho và lãi chậm thanh toán tạm tính đến ngày 06/3/2025 là 8.757.056.704 đồng (Gốc và lãi). Ngân hàng tiếp tục thanh toán cho Công ty L4 phí thuê kho, các khoản chi phí phát sinh liên quan đến Hợp đồng thuê kho và trông giữ hàng hóa thế chấp số 11/2018/HĐBĐ/VPB-CNTD ngày 09/7/2018 và lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 1,5%/tháng tính từ ngày 07/3/2025 đến khi xử lý xong lô hàng và việc thanh toán được thực hiện khi Ngân hàng xử lý tài sản thế chấp, xuất toàn bộ hàng hóa ra khỏi kho của Công ty L4.

4. Toàn bộ chi phí thuê kho, các khoản chi phí phát sinh khác và lãi chậm thanh toán liên quan đến Hợp đồng thuê kho và trông giữ hàng hóa thế chấp số 11/2018/HĐBĐ/VPB-CNTD ngày 09/7/2018 mà Ngân hàng đã thanh toán cho Công ty L4, Công ty C phải hoàn trả toàn bộ chi phí trên cho Ngân hàng (sẽ được tính vào số tiền nợ mà Công ty C phải trả cho Ngân hàng).

5. Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 20 tháng 3 năm 2025, bị đơn Công ty C, Công ty C, bà Âu Ngọc V kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử hủy bản án sơ thẩm.

* Ngày 25 tháng 3 năm 2025, Công ty L4 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc Ngân hàng phải trả tiền phí lưu kho và phí dịch vụ, lãi suất ngay cho Công ty khi bản án phúc thẩm có hiệu lực mà không phải đợi đến khi bán được lô tôm.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý kháng cáo của bị đơn và những người liên quan, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

- Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Âu Ngọc V, Công ty C vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty L4 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo đối với số tiền 8.757.056.704đ phải thi hành ngay khi án phúc thẩm có hiệu lực. Đối với khoản phí lưu kho từ ngày 07/3/2025 đến khi thanh lý xong lô tôm thì đề nghị được thanh toán khi xử lý xong lô tôm.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu quan điểm: ông N ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh, các khế ước nhận nợ chỉ là dự kiến, phía Công ty C chưa được giải ngân, việc giải ngân bằng USD là không đúng vì đơn vị thụ hưởng không có chức năng xuất nhập khẩu. Đối với lô

tôm của Công ty C được Công ty L4 xác nhận 340.494,62kg ngày 10/8/2019, Công ty C sáp nhập vào Công ty C, cấp sơ thẩm chưa làm rõ nên cần hủy án để làm rõ chênh lệch số lượng tôm.

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Công ty L4 phát biểu quan điểm: Theo hợp đồng thuê kho được các bên ký thì quy định nghĩa vụ của Ngân hàng là phải trả phí lưu kho cho Công ty L4 khi Âu Vững II không thanh toán. Do đó, đối với số tiền 8.757.056.704đ tính đến 06/3/2025 theo như án sơ thẩm tuyên thì Ngân hàng trả cho Công ty khi xử lý được lô hàng là không đúng theo thỏa thuận, đề nghị Hội đồng xét xử buộc Ngân hàng phải thanh toán ngay cho Công ty L4 khi án có hiệu lực. Đối với số tiền phí từ 07/3/2025 và lãi thì đề nghị Ngân hàng thanh toán khi xử lý xong lô tôm.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu tại phiên tòa phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

+ Về nội dung: Qua tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm và xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ, thấy rằng, cấp sơ thẩm đã đánh giá chứng cứ và chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng và Công ty L4, không chấp nhận phản tố của Công ty C là đúng nên đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét việc vắng mặt đương sự tại phiên tòa: ông Tạ Hoàng N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, là chồng của bà Âu Ngọc V, ông N đi khỏi địa phương không cung cấp địa chỉ cho Tòa án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt nhiều lần cho bà Âu Ngọc V biết thông tin việc xét xử của Tòa án, nên tiến hành xét xử vắng mặt ông N theo quy định pháp luật.

[1.2] Việc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn cho rằng ông N là người nước ngoài nên thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp tỉnh. Thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án ông N có ủy quyền cho người khác đại diện mình tham gia tố tụng nên việc Tòa án sơ thẩm thụ lý là đúng và dù Tòa án nào xét xử cũng đảm bảo chế độ hai cấp xét xử theo quy định; Lời trình bày của Luật sư cho rằng vi phạm tố tụng về thẩm quyền là không đúng.

[1.3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Trong vụ án này ngoài yêu cầu của Ngân hàng buộc Công ty C trả nợ theo các hợp đồng tín dụng đã ký, thì phía bị đơn

Công ty C lại có yêu cầu Ngân hàng bồi thường thiệt hại, Công ty L4 có yêu cầu Ngân hàng trả tiền thuê kho thay cho Công ty C, nhưng cấp sơ thẩm chỉ xác định quan hệ pháp luật hợp đồng tín dụng là chưa đầy đủ, do đó, cần xác định bổ sung thêm quan hệ yêu cầu bồi thường thiệt hại và yêu cầu trả tiền thuê kho được quy định tại Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của Công ty C:

[2.1] Qua xem xét các chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, có cơ sở xác định: Công ty C có ký kết các hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp các tài sản để đảm bảo khoản vay và đã được giải ngân được Công ty thừa nhận qua các văn bản gửi đến Ngân hàng để xin gia hạn nợ gốc, xin giảm lãi, đề xuất phương án trả nợ và trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm (bút lục 569, 368), nên Công ty cho rằng không có nhận tiền giải ngân là không có căn cứ. Công ty C đã vi phạm hợp đồng, không thanh toán nợ cho Ngân hàng như đã cam kết nên Ngân hàng khởi kiện buộc Công ty C trả nợ là có căn cứ.

[2.2] Đối với yêu cầu Ngân hàng bồi thường thiệt hại tương đương khối lượng tôm trong kho, thấy rằng, khi nợ đến hạn phía Ngân hàng cũng đã tìm mọi biện pháp để giải quyết, đặc biệt đối với lô tôm thế chấp được giữ tại kho đông lạnh thì phía Ngân hàng cũng đã chủ động yêu cầu Tòa án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời và được Tòa án chấp nhận áp dụng nhằm làm giảm thiệt hại cho Công ty nhưng vì lý do khách quan không bán được dù cơ quan thi hành án cũng đã đưa ra đấu giá và giảm giá 14 lần nhưng vẫn không tìm được đối tác, do đó, Ngân hàng không có lỗi trong việc làm giảm giá trị lô tôm nên yêu cầu của Công ty là không có căn cứ chấp nhận. Việc Công ty cho rằng lô tôm được gửi tại kho số lượng nhiều hơn số lượng thực tế và Công ty C2 xác nhận ngày 10/8/2019 để chứng minh lô tôm thế chấp bảo đảm cho Ngân hàng với khối lượng 340.494,62 kg là không đúng vì lượng hàng hóa này thuộc Hợp đồng thuê kho và trông giữ hàng hóa thế chấp số 19/2018/HDDV/PVB-CNCTO ngày 01/12/2018, đây là hàng hóa của Công ty A, chứ không phải của Công ty C và lô hàng này đã được thanh lý xong (theo Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 11/10/2019) và tại văn bản của Công ty C gửi cho Ngân hàng xác nhận lô tôm lưu kho là 238.369,26kg (bút lục 1657), văn bản xác nhận ba bên ký đối với số lượng tôm lưu kho vẫn là 238.369,26kg (bút lục 557).

[2.3] Đối với yêu cầu Ngân hàng thực hiện các nghĩa vụ bồi thường thiệt hại đối với toàn bộ chi phí lưu kho kể từ ngày Công ty C đề nghị phối hợp xử lý hàng hóa hạn chế thiệt hại xảy ra là ngày 27/5/2020 đến khi hàng hóa thế chấp được xử lý

xong toàn bộ, dự kiến là ngày 31/12/2021 với tổng số tiền yêu cầu bồi thường tạm tính là 2.974.676.675 đồng. Thấy rằng, theo các hợp đồng thế chấp hóa và hợp đồng được ký ba bên thì nghĩa vụ trả phí lưu kho là của Công ty C, Ngân hàng không có lỗi để lô tôm lưu kho đến hôm nay mà vì lý do khách quan không thể bán được lô tôm nên không có căn cứ buộc Ngân hàng phải chịu khoản phí này. Do đó, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của phản tố của Công ty C là có căn cứ.

[3] Xét kháng cáo của bà Âu Ngọc V cho rằng Ngân hàng chưa giải ngân, việc ký khế ước nhận nợ phải đi kèm với hóa đơn chứng từ mua bán của đơn vị thụ hưởng, việc giải ngân bằng USD là không đúng, lô tôm gửi tại kho Lotte ngày 10/8/2019 số lượng 340,494.62kg chênh lệch mất gần 100 tấn cần phải hủy bản án, như trên nhận định thì lý do bà Âu Ngọc V đưa ra là không đúng nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà.

[4] Xét kháng cáo của Công ty C (nay là Công ty C1): Nội dung kháng cáo và lý do cũng như yêu cầu của bà Âu Ngọc V và Công ty C nên cũng không có căn cứ chấp nhận.

[5] Xét kháng cáo của Công ty L4: Theo hợp đồng được ký kết giữa ba bên thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả tiền phí lưu kho cho Công ty L4 trong trường hợp Công ty C không trả. Theo như Bản án sơ thẩm tuyên thì số tiền phí lưu kho Công ty C còn nợ đến ngày 06/3/2025 và từ ngày 07/3/2025 sẽ được Ngân hàng thanh toán cho Công ty L4 khi lô hàng tôm được xử lý xong. Xét, trong vụ án này, các bên đều có thiệt hại, theo đó Công ty L4 cũng có thiệt hại đến nay tiền phí cũng chưa thu đầy đủ, Ngân hàng cũng chưa thu hồi được vốn mà đã phải thanh toán một phần phí lưu kho cho Công ty C số tiền 1.414.976.296đ, phía Công ty C cũng thiệt hại do đến nay lô tôm bị giảm sút giá trị, không còn khả năng thanh toán, Ngân hàng còn khoản cho vay lớn chưa thu hồi từ Công ty C nên việc yêu cầu của Công ty L4 buộc Ngân hàng phải trả ngay khoản phí lưu kho cho L2 mà không cần đợi đến việc bán được lô tôm lưu kho là ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền, lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, các bên đều cùng phải gánh chịu thiệt hại phần của mình. Thật sự, khi xử lý xong lô hàng đáng lẽ ra số tiền này phải thanh toán cho Ngân hàng vì đây là tài sản đảm bảo cho Ngân hàng, nhưng Ngân hàng phải thanh toán thay cho Công ty C là thiệt thòi cho Ngân hàng mà số tiền này phải do Âu V thanh toán cho Công ty L4. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty L4.

[6] Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng thì được thực hiện theo quy định tại Điều 138 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Với những nhận định trên nên đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Tòa án cấp sơ thẩm đánh giá chứng cứ và chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, chấp nhận yêu cầu độc lập của Công ty L4 là đúng nên giữ nguyên. Lời trình bày của Người bảo vệ quyền lợi cho bị đơn và Luật sư bảo vệ quyền lợi cho người liên quan Công ty L4 là không có căn cứ chấp nhận.

[8] Về phần án phí:

[8.1] Sơ thẩm: giữ nguyên như án sơ thẩm.

[8.2] Phúc thẩm: Các đương sự kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ: - Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

* Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần C.
- Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần C (nay là Công ty Cổ phần C1).

- Không chấp nhận kháng cáo của bà Âu Ngọc V.

- Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH L3.

- Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 06/2025/KDTM-ST ngày 11 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (nay là Tòa án nhân dân khu vực 1 – Cần Thơ).

- Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 13/2021/QĐ-BPKCTT ngày 17/12/2021 do Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng thì được thực hiện theo quy định tại Điều 138 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về án phí phúc thẩm:

1. Công ty C phải chịu 2.000.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005896 ngày 21/3/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự

quận Ninh Kiều (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 1 – Cần Thơ).

2. Công ty Á (nay là Công ty Cổ phần C1) phải chịu 2.000.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005897 ngày 21/3/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Ninh Kiều (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 1 – Cần Thơ).

3. Bà Âu Ngọc V phải chịu 2.000.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005898 ngày 21/3/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Ninh Kiều (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 1 – Cần Thơ).

4. Công ty TNHH L3 phải chịu 2.000.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006006 ngày 08/4/2025 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Ninh Kiều (nay là Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 1 – Cần Thơ).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát cùng cấp;
- TAND khu vực 1 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 1 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Hà Thị Phương Thanh